

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC

DỰ ÁN MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN HỌC NGŨ VĂN

6 TẬP MỘT

(SÁCH THỬ NGHIỆM)
(Tái bản lần thứ nhất, có chỉnh lí bổ sung)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai thực nghiệm đối với lớp 6 từ năm học 2014 – 2015 với mục tiêu là đổi mới đồng bộ các hoạt động sư phạm trong nhà trường ; bảo đảm cho học sinh được tự quản, tự tin trong học tập, chiếm lĩnh được kiến thức, kĩ năng qua tự học và hoạt động tập thể ; phù hợp với mục tiêu đổi mới và điều kiện về năng lực đội ngũ giáo viên, thiết bị giáo dục của hầu hết các trường học Việt Nam ; đồng thời có giải pháp thu hút các gia đình và cộng đồng tích cực tham gia cùng nhà trường thực hiện chức năng giáo dục.

Thay cho sách giáo khoa hiện hành, học sinh học theo mô hình trường học mới sử dụng sách *Hướng dẫn học* được thiết kế dựa trên chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng tích hợp. Bộ sách gồm 8 môn học : Toán, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên (tích hợp Vật lí, Hoá học, Sinh học) ; Khoa học xã hội (tích hợp Lịch sử, Địa lí), Giáo dục công dân, Công nghệ, Tin học, Hoạt động giáo dục (tích hợp Thể dục, Âm nhạc, Mỹ thuật). Mỗi bài học trong sách *Hướng dẫn học* được biên soạn theo chủ đề tích hợp để có thể tổ chức hoạt động học tích cực, tự lực của học sinh theo các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực với các hoạt động : “Khởi động”, “Hình thành kiến thức”, “Luyện tập”, “Vận dụng”, “Tìm tòi mở rộng”. Hoạt động học của học sinh trong mỗi bài học cần được thực hiện một cách linh hoạt ở trong lớp, ngoài lớp, ở nhà và cộng đồng. Các hoạt động học của học sinh được tổ chức trên lớp, cùng với các hoạt động học ở ngoài lớp học tạo thành chuỗi hoạt động học theo tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng.

Hoạt động “Vận dụng” và “Tìm tòi mở rộng” là các hoạt động chủ yếu giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học, không tổ chức dạy học hoàn toàn trên lớp. Vì vậy nội dung các hoạt động này trong tài liệu *Hướng dẫn học* có thể là cung cấp thông tin bổ sung ; nêu những yêu cầu, định hướng và gợi ý về phương pháp thực hiện ; mô tả sản phẩm học tập phải hoàn thành để học sinh tự phát hiện, lựa chọn tình huống thực tiễn giúp vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học được trong bài học và tìm tòi mở rộng theo sở thích, sở trường, hứng thú của mình. Các hoạt động này hết sức cần thiết và quan trọng, giúp cho việc phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh, cần phải tổ chức thực hiện đầy đủ và hiệu quả nhưng không yêu cầu tất cả học sinh thực hiện như nhau, sản phẩm học tập của mỗi học sinh trong các hoạt động này cũng không giống nhau.

Trong quá trình biên soạn và triển khai thực nghiệm, các tác giả đã tiếp thu nhiều ý kiến phản hồi và đã hết sức cố gắng chỉnh sửa, hoàn thiện bộ sách. Tuy nhiên, bộ sách chắc chắn không tránh khỏi những điểm còn hạn chế, thiếu sót cần được tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung. Các tác giả bộ sách trân trọng cảm ơn và mong nhận được những ý kiến đóng góp của đông đảo giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và những người quan tâm để bộ sách ngày càng được hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo.

CÁC TÁC GIẢ

Bài 1. THÁNH GIÓNG

Mục tiêu

- ◆ Xác định được đặc điểm của nhân vật chính trong truyền thuyết *Thánh Gióng* ; nhận biết cốt truyện ; kể lại được câu chuyện này ; phát hiện ra các yếu tố hoang đường và sự thực lịch sử để hiểu quan niệm của nhân dân ta về hình tượng Thánh Gióng ; nhận biết được đặc điểm của thể loại truyền thuyết.
- ◆ Trình bày được khái niệm *giao tiếp*, *mục đích giao tiếp* và các dạng thức của văn bản.



Hoạt động khởi động



Quan sát hai hình ảnh về Thánh Gióng dưới đây :



(Nguồn : In-tơ-nét)

Hãy miêu tả hành động của Thánh Gióng trong hai bức tranh trên. Từ đó nêu cảm nghĩ của em về nhân vật Thánh Gióng ?



Hoạt động hình thành kiến thức



1. Đọc văn bản sau :

THÁNH GIÓNG⁽¹⁾

(Truyện thuyết)

Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng⁽²⁾ có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức. Hai ông bà ao ước có một đứa con. Một hôm bà ra đồng trông thấy một vết chân rất to, liền đặt bàn chân mình lên ướm thử để xem thua kém bao nhiêu. Không ngờ về nhà bà thụ thai⁽³⁾ và mười hai tháng⁽⁴⁾ sau sinh một cậu bé mặt mũi rất khôi ngô. Hai vợ chồng mừng lắm. Nhưng lạ thay ! Đứa trẻ cho đến khi lên ba vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.

Bấy giờ có giặc Ân đến xâm phạm bờ cõi nước ta. Thế giặc mạnh, nhà vua lo sợ, bèn sai sứ giả đi khắp nơi rao tìm người tài giỏi cứu nước. Đứa bé nghe tiếng rao, bỗng dưng cất tiếng nói : “Mẹ ra mời sứ giả vào đây”. Sứ giả vào, đứa bé bảo : “Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp⁽⁵⁾ sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này”. Sứ giả vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ, vội vàng về tâu vua. Nhà vua truyền cho thợ ngày đêm làm gấp những vật chú bé dặn.

Càng lạ hơn nữa, từ sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi. Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ. Hai vợ chồng làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con, đành phải chạy nhờ bà con, làng xóm. Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước.

Giặc đã đến chân núi Trâu⁽⁶⁾. Thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong, lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ. Bỗng roi sắt gãy. Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân⁽⁷⁾ giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc⁽⁸⁾ (Sóc Sơn). Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời.

Vua nhớ công ơn phong là Phù Đổng Thiên Vương⁽⁹⁾ và lập đền thờ ngay ở quê nhà.



Đền Gióng (Nguồn : In-tơ-nét)

Hiện nay vẫn còn đền thờ ở làng Phù Đổng, tục gọi là làng Gióng. Mỗi năm đến tháng tư, làng mở hội to lắm. Người ta kể rằng, những bụi tre đằng ngà⁽¹⁰⁾ ở huyện Gia Bình vì ngựa phun lửa bị cháy mới ngả màu vàng óng như thế, còn những vết chân ngựa nay thành những ao hồ liên tiếp. Người ta còn nói khi ngựa thét ra lửa, lửa đã thiêu cháy một làng, cho nên làng đó về sau gọi là làng Cháy⁽¹¹⁾.

(Theo Lê Trí Viễn)

◆ Chú thích

(1) *Thánh Gióng* : đức thánh làng Gióng (*thánh* : bậc anh minh, tài đức phi thường, có khi được coi như có phép màu nhiệm, thường được thờ ở các đền như đức thánh Tản Viên, đức thánh Trần – Trần Hưng Đạo,...).

(2) *Làng Gióng* : trước đây thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.

(3) *Thụ thai* : bắt đầu có thai.

(4) *Mười hai tháng* : đây là sự mang thai khác thường (người bình thường chỉ mang thai chín tháng mười ngày thì sinh con). Trong truyện cổ dân gian, chi tiết này biểu hiện “sự ra đời thần kì”.

(5) *Áo giáp* : áo được làm bằng chất liệu đặc biệt (da thú hoặc sắt,...) nhằm chống đỡ binh khí, bảo vệ cơ thể.

(6) *Núi Trâu* : xưa thuộc đất Vũ Ninh, nay thuộc huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

(7) *Tàn quân* : quân bại trận còn sống sót.

(8) *Núi Sóc* : nay thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

(9) *Phù Đổng Thiên Vương* : vị thiên vương ở làng Phù Đổng (*thiên vương* : ở đây hiểu là vị tướng nhà trời ; *phù* : giúp đỡ ; *đổng* : chỉnh đốn, trông coi).

(10) *Tre đằng ngà* : giống tre có lớp cật ngoài trơn, bóng, màu vàng.

(11) *Làng Cháy* : một làng ở cạnh làng Phù Đổng.

2. Tìm hiểu văn bản.



a) Trao đổi với bạn về những chi tiết gây ấn tượng nhất với bản thân khi đọc truyện *Thánh Gióng*.

b) Đọc và đánh số thứ tự vào từng ô trước các chi tiết dưới đây theo đúng trình tự xuất hiện trong truyện *Thánh Gióng* (học sinh làm vào vở bài tập) :

- ☐ Vào đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão sống phúc đức nhưng lại muộn con.
- ☐ Đứa bé cất tiếng nói đầu tiên, đòi đi đánh giặc.
- ☐ Đứa trẻ lên ba vẫn không biết nói, biết cười, cũng không biết đi, đặt đâu nằm đấy.
- ☐ Giặc Ân xâm lược nước ta. Thế giặc rất mạnh.
- ☐ Đứa bé lớn nhanh như thổi. Bà con làng xóm góp gạo nuôi chú bé, mong chú giết giặc cứu nước.
- ☐ Một hôm bà lão ra đồng thấy một vết chân to, ướm thử, về nhà bà thụ thai và mười hai tháng sau sinh ra một đứa bé rất khôi ngô.
- ☐ Đứa bé đòi ngựa sắt, roi sắt, giáp sắt để đánh giặc.
- ☐ Đánh giặc xong, tráng sĩ cởi giáp sắt để lại và bay thẳng về trời.
- ☐ Đứa bé vươn vai một cái bỗng biến thành tráng sĩ, phi ngựa đến nơi có giặc, giết hết lớp giặc này đến lớp giặc khác.



c) Truyện *Thánh Gióng* có những nhân vật nào ? Theo em, ai là nhân vật chính của truyện ? Trong truyện, nhân vật chính được xây dựng bằng nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo. Hãy tìm và liệt kê ra những chi tiết đó.

d) Đọc kĩ đoạn văn thứ hai của truyện (từ “Bấy giờ” đến “chú bé dặn”) và cho biết : Trong câu nói đầu tiên, Gió nói về điều gì ? Câu nói ấy gợi cho em suy nghĩ gì về Thánh Gió ? Những hình ảnh *ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt* cho em biết gì về vũ khí đánh giặc của nhân dân ta lúc bấy giờ ?

e) Đọc kĩ đoạn văn thứ ba trong văn bản (từ “Càng lạ hơn nữa” đến “cứu nước”) và nêu cảm nhận của em về chi tiết : *Bà con làng xóm vui lòng góp gạo nuôi cậu bé*.

(Gợi ý : Vì sao bà con làng xóm lại vui lòng góp gạo nuôi cậu bé ? Mong muốn, khát vọng của bà con làng xóm qua sự việc này là gì ?)

g) Đọc kĩ các đoạn văn còn lại và cùng nhau nêu suy nghĩ về ý nghĩa của các chi tiết sau :

- *Gió lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ.*
- *Gậy sắt gãy, Gió nhỏ tre bên đường đánh giặc.*
- *Gió đánh giặc xong, cởi áo giáp sắt để lại và bay thẳng về trời.*

(Gợi ý : Với mỗi chi tiết, em hãy cho biết : Chi tiết đó có thật không ? Chi tiết đó cho em biết điều gì về Thánh Gió ?)



h) Truyền thuyết thường liên quan đến sự thật lịch sử. Hãy cho biết : Truyện *Thánh Gió* có liên quan đến sự thật lịch sử nào ?

i) Đọc xong truyện, em thấy hành động nào của Thánh Gió là đẹp nhất ? Qua câu chuyện về Thánh Gió, nhân dân ta muốn gửi gắm những suy nghĩ và ước mơ gì ?



3. Tìm hiểu về giao tiếp, văn bản và phương thức biểu đạt.

a) Trao đổi để trả lời câu hỏi :

(1) Khi muốn biểu đạt suy nghĩ, nguyện vọng, tình cảm của mình với ai đó hoặc với mọi người (ví dụ : muốn khuyên nhủ người khác một điều gì, muốn tham gia một hoạt động do nhà trường tổ chức, muốn kêu gọi mọi người chung tay bảo vệ môi trường, v.v.) em phải làm gì ?

(2) Khi muốn biểu đạt suy nghĩ, nguyện vọng, tình cảm của mình một cách đầy đủ, trọn vẹn cho người khác hiểu, em phải làm như thế nào ?

(3) Câu ca dao dưới đây nêu lên vấn đề (chủ đề) gì ? Câu 6 và câu 8 liên kết với nhau như thế nào (về nội dung và về cách gieo vần ở thể thơ lục bát) ? Câu ca dao đã biểu đạt trọn vẹn một ý chưa ? Có thể coi câu ca dao là một văn bản không ?

*Ai ơi giữ chí cho bền
Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.*

b) Nối tên mỗi kiểu văn bản, phương thức biểu đạt ở cột bên trái với mục đích giao tiếp thích hợp ở cột bên phải (theo mẫu).

Kiểu văn bản, phương thức biểu đạt	Mục đích giao tiếp
(1) Tự sự	(a) bày tỏ tình cảm, cảm xúc.
(2) Miêu tả	(b) nêu ý kiến đánh giá, bàn luận.
(3) Biểu cảm	(c) giới thiệu đặc điểm, tính chất, phương pháp.
(4) Nghị luận	(d) tái hiện trạng thái sự vật, hiện tượng, con người.
(5) Thuyết minh	(e) trình bày diễn biến sự việc.
(6) Hành chính – công vụ	(g) trình bày ý muốn, quyết định nào đó, thể hiện quyền hạn, trách nhiệm giữa người và người.

M : 4 – b

c) Cho các tình huống giao tiếp dưới đây, hãy lựa chọn kiểu văn bản và phương thức biểu đạt phù hợp :

- (1) Hai đội bóng đá muốn xin phép sử dụng sân vận động của thành phố.
- (2) Tường thuật diễn biến trận đấu bóng đá.
- (3) Tả lại những pha bóng đẹp trong trận đấu.
- (4) Giới thiệu quá trình thành lập và thành tích thi đấu của hai đội.
- (5) Bày tỏ sự yêu thích môn bóng đá.
- (6) Bác bỏ ý kiến cho rằng bóng đá là môn thể thao tốn kém, gây ảnh hưởng không tốt tới việc học tập và công tác của nhiều người.

◆ **Chú ý :**

– *Giao tiếp ngôn ngữ là hoạt động truyền đạt, tiếp nhận tư tưởng, tình cảm bằng phương tiện ngôn từ.*

- Văn bản là chuỗi lời nói miệng hay bài viết có chủ đề thống nhất, có liên kết, mạch lạc, vận dụng phương thức biểu đạt phù hợp để thực hiện mục đích giao tiếp.
- Có sáu kiểu văn bản thường gặp với các phương thức biểu đạt tương ứng : tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, hành chính – công vụ. Mỗi kiểu văn bản có mục đích giao tiếp riêng.



Hoạt động luyện tập



1. Đóng vai một người ở làng Gióng vào đời Hùng Vương thứ sáu, kể lại truyện Thánh Gióng.

2. Đọc các đoạn trích sau và xác định phương thức biểu đạt của từng đoạn.

TT	Đoạn trích văn bản	Phương thức biểu đạt
a)	Trăng đang lên. Mặt sông lấp lánh ánh vàng. Núi Trùm Cát đứng sừng sững bên bờ sông thành một khối tím thẫm uy nghi, trầm mặc. Dưới ánh trăng, dòng sông sáng rực lên, những con sóng nhỏ lăn tăn gợn đều mơn man vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát. (Khuất Quang Thụy, <i>Trong cơn gió lốc</i>)	
b)	Một hôm, mẹ Cám đưa cho Tấm và Cám mỗi đứa một cái giỏ, sai đi bắt tôm, bắt tép và hứa, đứa nào bắt được đầy giỏ sẽ thưởng cho một cái yếm đỏ. Tấm vốn chăm chỉ, lại sợ dì mắng nên mãi miết suốt buổi bắt đầy một giỏ cả tôm lẫn tép. Còn Cám quen được nuông chiều, chỉ ham chơi nên mãi đến chiều chẳng bắt được gì. Thấy Tấm bắt được đầy giỏ, Cám bảo chị : – Chị Tấm ơi, chị Tấm ! Đầu chị lấm Chị hụp cho sâu Kẻo về dì mắng. Tấm tưởng thật, hụp xuống thì Cám trút hết giỏ tôm tép của Tấm vào giỏ mình, rồi chạy về nhà trước. (Theo Tấm Cám)	

c)	Muốn xây dựng một đất nước giàu mạnh thì phải có nhiều người tài giỏi. Muốn có nhiều người tài giỏi thì học sinh phải ra sức học tập văn hoá và rèn luyện thân thể, bởi vì chỉ có học tập và rèn luyện thì các em mới có thể trở thành những người tài giỏi trong tương lai. (Trích Tài liệu hướng dẫn đội viên)	
d)	<i>Trúc xinh trúc mọc đầu đình Em xinh em đứng một mình cũng xinh.</i> (Ca dao)	
e)	Nếu ta đẩy quả địa cầu quay quanh trục theo hướng từ tay trái sang tay phải mà chúng ta gọi là hướng từ tây sang đông thì hầu hết các điểm trên bề mặt quả địa cầu đều chuyển động, đều thay đổi vị trí và vẽ thành những đường tròn. (Theo Địa lí 6)	



3. Tìm hiểu về truyền thuyết.

Dựa vào định nghĩa dưới đây, em hãy nêu những đặc điểm tiêu biểu của truyền thuyết.

Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo. Truyền thuyết thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các nhân vật và sự kiện lịch sử.



Hoạt động vận dụng



1. Tìm trên mạng in-tơ-nét các thông tin về Hội Gióng và trao đổi với người thân bằng việc trả lời các câu hỏi sau :
 - Hội Gióng được tổ chức ở đâu ? Vào thời gian nào ?
 - Mục đích của Hội Gióng là gì ?
 - Giá trị nổi bật của Hội Gióng ?
2. Sưu tầm và kể lại cho người thân hoặc bạn bè nghe truyền thuyết về một nhân vật lịch sử có gắn với các di tích ở địa phương em (nếu có).



Hoạt động tìm tài, mở rộng



Đọc thêm :

CON RỒNG CHÁU TIÊN

(Truyện thuyết)

Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lên sống trên cạn, sức khoẻ vô địch, có nhiều phép lạ. Thần giúp dân diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh⁽¹⁾ – những loài yêu quái bấy lâu làm hại dân lành. Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Xong việc, thần thường về thủy cung⁽²⁾ với mẹ, khi có việc cần, thần mới hiện lên.

Bấy giờ, ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông⁽³⁾, xinh đẹp tuyệt trần. Nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, nàng bèn tìm đến thăm. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu nhau rồi trở thành vợ chồng, cùng chung sống trên cạn ở cung điện Long Trang.

Ít lâu sau, Âu Cơ có mang. Đến kì sinh, chuyện thật lạ, nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng ; trăm trứng nở ra một trăm người con hồng hào, đẹp đẽ lạ thường. Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô, khoẻ mạnh như thần.

Thế rồi một hôm, Lạc Long Quân vốn quen ở nước cảm thấy mình không thể sống mãi trên cạn được, đành từ biệt Âu Cơ và đàn con để trở về thủy cung. Âu Cơ ở lại một mình nuôi con, tháng ngày chờ mong, buồn tủi. Cuối cùng nàng gọi chồng lên và than thở :

– Sao chàng bỏ thiếp mà đi, không cùng thiếp nuôi các con ?

Lạc Long Quân nói :

– Ta vốn nòi rồng ở miền nước thẳm, nàng là dòng tiên ở chốn non cao. Kẻ ở cạn, người ở nước, tính tình, tập quán⁽⁴⁾ khác nhau, khó mà ăn ở cùng nhau một nơi lâu dài được. Nay ta đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau cai quản các phương. Kẻ miền núi, người miền biển, khi có việc gì thì giúp đỡ lẫn nhau, đừng quên lời hẹn.



Âu Cơ và trăm con nghe theo, rồi chia tay nhau lên đường.

Người con trưởng theo Âu Cơ được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô⁽⁵⁾ ở đất Phong Châu⁽⁶⁾, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ ; con trai vua gọi là lang, con gái vua gọi là mị nương ; khi cha chết thì ngôi được truyền cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy hiệu là Hùng Vương, không hề thay đổi.

Cũng bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta – con cháu vua Hùng – khi nhắc đến nguồn gốc của mình, thường xưng là con Rồng cháu Tiên.

(Theo Nguyễn Đồng Chi)

◆ Chú thích

(1) *Ngư Tinh* : con cá sống lâu năm thành yêu quái ; *Hồ Tinh* : con cáo sống lâu năm thành yêu quái ; *Mộc Tinh* : cây sống lâu năm thành yêu quái (*Tinh* : có thể là yêu quái – như trong “cáo thành tinh”, có thể là thần linh – như trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*).

(2) *Thủy cung* : cung điện dưới nước (*thủy* : nước ; *cung* : nơi ở của vua hoặc toà nhà, công trình kiến trúc lớn).

(3) *Thần Nông* : nhân vật trong thần thoại và truyền thuyết đã dạy loài người làm nghề nông.

(4) *Tập quán* : thói quen của một cộng đồng (địa phương, dân tộc, v.v...) được hình thành từ lâu trong đời sống, được mọi người công nhận và làm theo.

(5) *Đóng đô* : lập kinh đô.

(6) *Phong Châu* : tên gọi một vùng đất cổ, nay chủ yếu thuộc địa bàn tỉnh Phú Thọ, mà Việt Trì và Bạch Hạc là trung tâm.

Bài 2. TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN TỰ SỰ

Mục tiêu

- ◆ Có những hiểu biết chung về *văn tự sự*; tự tìm được ví dụ minh họa.
- ◆ Phân biệt được *tiếng* và *từ*, các kiểu cấu tạo từ tiếng Việt.
- ◆ Xác định được *từ mượn* trong văn bản và biết *cách sử dụng từ mượn* hợp lí.



Hoạt động khởi động



Trò chơi : Thi tìm các từ có nhiều tiếng trong tiếng Việt.

- Mỗi nhóm tìm các từ có 3 tiếng, 4 tiếng trong tiếng Việt.
- Các nhóm so sánh về số lượng từ tìm được. Nhóm tìm được nhiều từ có 4 tiếng nhất là nhóm chiến thắng.



Hoạt động hình thành kiến thức



1. Tìm hiểu chung về *văn tự sự*.

a) Trong đời sống hằng ngày, ta thường nghe những yêu cầu và câu hỏi có dạng như sau :

- Bà ơi, bà kể chuyện cổ tích cho cháu nghe đi !
- Cậu kể cho mình nghe đi, Lan là người như thế nào.
- Này Nga ! Bạn An gặp chuyện gì mà lại thôi học nhỉ ?
- Thơm ơi, lại đây tớ kể cho cậu nghe câu chuyện này hay lắm.

Hãy cho biết :

(1) Gặp những trường hợp như thế, theo em, *người nghe* muốn biết điều gì và *người kể* phải làm gì ?

(2) Trong những trường hợp nêu trên, câu chuyện phải có một ý nghĩa nhất định. Ví dụ, nếu muốn cho bạn biết Lan là một người bạn tốt, người được hỏi phải kể những việc như thế nào về Lan ? Vì sao ?



b) *Tự sự* (kể chuyện) là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa. Tự sự giúp người kể giải thích sự việc, tìm hiểu con người, nêu vấn đề và bày tỏ thái độ khen, chê.

(1) Kể tên một số văn bản tự sự mà em đã học hoặc đã đọc.

(2) Chọn một trong số các văn bản tự sự vừa kể tên và cho biết : Truyện kể về ai ? Có những sự việc nào ? Câu chuyện đó được kể nhằm mục đích gì ?

2. Tìm hiểu về từ và cấu tạo từ tiếng Việt.



a) Đọc và quan sát cách đặt dấu phân cách ở hai dòng dưới đây :

– *Thần / dạy / dân / cách / trồng trọt, / chăn nuôi / và / cách / ăn ở.*

– *Thần / dạy / dân / cách / trồng / trọt, / chăn / nuôi / và / cách / ăn / ở.*

(Con Rồng cháu Tiên)

Trả lời các câu hỏi :

(1) Dòng nào đặt dấu phân cách các tiếng ?

(2) Dòng nào đặt dấu phân cách các từ ?

(3) Đối chiếu hai dòng và chỉ ra các từ chỉ gồm một tiếng.



b) Chọn từ ngữ cho sẵn để điền vào chỗ trống trong đoạn dưới đây :

...(1) là đơn vị cấu tạo nên(2). Từ là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất dùng để đặt câu. Từ chỉ gồm một tiếng là ...(3). Từ gồm hai hoặc nhiều tiếng là ...(4).

Những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa được gọi là ...(5). Còn những từ phức có quan hệ láy âm giữa các tiếng được gọi là ...(6).

từ, tiếng, từ đơn, từ phức, từ láy, từ ghép

3. Tìm hiểu về từ mượn.



a) Đọc thông tin sau và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới :

Trong tiếng Việt, ngoài từ thuần Việt (từ do nhân dân ta tự sáng tạo ra), chúng ta còn vay mượn nhiều từ của tiếng nước ngoài để biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm, ... mà tiếng Việt chưa có từ thật thích hợp để biểu thị. Đó là các **từ mượn**.

Bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong tiếng Việt là từ mượn tiếng Hán.

Nối từ ngữ ở cột A với lời giải nghĩa thích hợp ở cột B trong bảng sau để hiểu nghĩa của một số từ mượn tiếng Hán có trong truyện *Thánh Gióng*.

A	B
(1) Sứ giả	(a) hùng dũng, oai nghiêm.
(2) Tráng sĩ	(b) đơn vị đo bằng 10 thước Trung Quốc cổ (tức 3,33 mét).
(3) Trượng	(c) ban cho, tặng thưởng (chức tước, đất đai, học vị,...).
(4) Lẫm liệt	(d) người vâng mệnh trên đi làm một việc gì đó ở các địa phương trong nước hoặc nước ngoài.
(5) Phong	(e) người có sức lực cường tráng, chí khí mạnh mẽ, hay làm việc lớn.



b) Sau đây là một số từ mượn tiếng Nga, tiếng Anh, tiếng Pháp,... (gọi chung là từ mượn tiếng Ấn – Âu) : *tì vi, ra-đi-ô, in-tơ-nét, xích, líp, ga, mít tinh, xà phòng, ten-nít, Xô viết*.

Xem lại các từ mượn tiếng Hán đã nêu ở cột A của bảng trên, hãy cho biết cách viết của các từ mượn tiếng Hán và từ mượn tiếng Ấn – Âu có gì khác nhau.

c) Cho các từ ngữ sau : *thuần Việt, tiếng Hán, dấu gạch nối, tiếng Ấn – Âu*.

Hãy điền vào mỗi chỗ trống một từ ngữ thích hợp để hiểu đúng cách viết từ mượn trong tiếng Việt :

- Những từ mượn và từ mượn tiếng Ấn – Âu đã được Việt hoá thì viết như từ
- Từ mượn chưa được Việt hoá hoàn toàn, gồm hai tiếng trở lên, khi viết dùng để nối các tiếng.



Hoạt động luyện tập



1. a) Đọc bài thơ sau :

SA BẦY

Bé Mây rủ mèo con
Đánh bầy bầy chuột nhắt
Mùi thơm : cá nướng ngon
Lững lơ trong cạm sắt.

Lũ chuột tham hoá ngục
Chẳng nhin thềm được đâu !
Bé Mây cười tí mắt
Mèo gật gù, rung râu.

Đêm ấy Mây nằm ngủ
Mơ đầy lồng chuột sa
Cùng mèo con đem xử
Chúng khóc ròng, xin tha !

Sáng mai vùng xuống bếp :
Bầy sập tự bao giờ
Chuột không, cá cũng hết
Giữa lồng mèo nằm... mơ !

(Nguyễn Hoàng Sơn, *Đất mùa thu vào phố*)

Hãy xác định các sự việc trong câu chuyện trên và thay nhau kể lại chuyện.

b) Hãy chỉ ra tác dụng của phương thức tự sự trong văn bản sau :

NGƯỜI ÂU LẠC ĐÁNH TAN QUÂN TÀN XÂM LƯỢC

Bấy giờ, ở Trung Quốc, nhà Tần vừa thành lập (năm 221 tr. CN). [...] Năm 218 tr. CN, Tần Thủy Hoàng sai tướng Đồ Thư đem 50 vạn quân chia làm năm mũi xâm lược đất Bách Việt ở phía nam. Quân Tần tràn đến đâu, lập thêm quận huyện mới đến đấy. [...] Quân xâm lược tàn bạo càng hung hăng tiến sâu vào đất của người Âu Việt, người Lạc Việt.

Trước nạn xâm lược của quân Tần, người Âu Việt và Lạc Việt đã tập hợp nhau lại để tự vệ. Quân Tần đông, tấn công ồ ạt. Không thể dàn quân, mặt đối mặt mà đánh địch, họ phải bảo nhau tính chuyện kháng cự lâu dài. Bỏ cửa, bỏ nhà, bỏ cả ruộng vườn, nương rẫy, họ kéo nhau vào rừng sâu, lên núi cao,... Lương thực, vũ khí, gia súc,... chuyển đi theo người. Già, trẻ, gái, trai cùng nhau lập mưu bàn kế, cử người tài giỏi làm tướng chỉ huy. Thục Phán, thủ lĩnh của người Âu Việt bấy giờ, là một người trẻ tuổi, rất gan dạ và thông minh. Ông được cử ra chỉ huy chiến đấu. Ban ngày, họ tìm nơi ẩn tránh, đêm đến mới bắt thần xông ra đánh địch. Quân Tần đóng ở những làng xóm không người ở, không cướp được lương ăn, thường xuyên bị mai phục, đánh tía. [...]

Cuộc kháng chiến của người Việt chống quân Tần cứ thế tiếp diễn qua nhiều năm. Hàng vạn quân xâm lược bị tiêu diệt. Chủ tướng Đồ Thư phải bỏ mạng. Đến khi Tần Thủy Hoàng chết, nông dân Trung Quốc nổi lên khởi nghĩa ở khắp nơi, nhà Tần phải rút quân xâm lược (năm 208 tr. CN).

(Lịch sử 6, NXB Giáo dục, 2000)

2. Thực hiện các yêu cầu sau :



a) Gạch chân các từ mượn có trong những câu dưới đây. Cho biết các từ ấy được mượn từ tiếng Hán hay tiếng Ấn – Âu.

– *Đúng ngày hẹn, bà mẹ vô cùng ngạc nhiên vì trong nhà tự nhiên có bao nhiêu là sính lễ.*

(Sọ Dừa)

– *Ngày cưới, trong nhà Sọ Dừa cỗ bàn thật linh đình, gia nhân chạy ra chạy vào tấp nập.*

(Sọ Dừa)

– *Để ứng phó với dịch bệnh sởi, toàn bộ 63 tỉnh, thành phố trên cả nước đã, đang tổ chức thực hiện chiến dịch tiêm phòng chống dịch và tiêm vét vắc-xin sởi cho khoảng 710 nghìn trẻ.*

– *Ngọc Linh là một fan bóng đá cuồng nhiệt.*

– *Anh đã hạ nóc ao võ sĩ nước chủ nhà.*



b) Xác định nghĩa của từng tiếng tạo thành các từ Hán Việt sau đây và cho biết nghĩa của các từ Hán Việt này : *khán giả, thỉnh giả, độc giả, tác giả, yếu điểm, yếu nhân* (có thể sử dụng từ điển).

M : *khán giả* : *khán* (xem, nhìn), *giả* (người) → *khán giả* : người xem.

c) Tìm và viết vào *Phiếu học tập* sau đây các từ mượn tiếng Hán hoặc từ mượn tiếng Ấn – Âu theo những chủ đề cho sẵn :

Tên các đơn vị đo lường	Tên một số bộ phận của chiếc xe đạp	Tên một số đồ vật
M : mét...	M : ghi đông...	M : ra-đi-ô...



Hoạt động vận dụng

1. Tìm các từ láy rồi viết vào vở :

a) Tả tiếng cười, ví dụ : *khanh khách*.

b) Tả tiếng nói, ví dụ : *ồm ồm*.

c) Tả dáng điệu, ví dụ : *lom khom*.

2. Chỉ ra một số cách dùng từ mượn trong đời sống mà em cho là chưa phù hợp.

3. Kể cho người thân nghe một việc làm của thầy cô giáo / bác bảo vệ / bác lao công / bạn bè của em... ở trường khiến em nhớ mãi.



Hoạt động tìm tòi, mở rộng



Đọc thêm về cách sử dụng từ mượn và phiên âm tiếng nước ngoài.

1) BÁC HỒ NÓI VỀ VIỆC DÙNG TỪ MƯỢN

“[...] Những từ không dịch được thì phải mượn của tiếng các nước. Nhưng chỉ nên mượn khi thật cần thiết, và đã mượn thì phải mượn cho đúng.

Tại sao thường vay mượn khi không cần thiết hoặc vay mượn không đúng ? Vì :

1. Không quý báu tiếng của dân tộc, tự ti ;
2. Học tập không đến nơi đến chốn.

Vay mượn là cần, nhưng phải chống lạm dụng, chống lười biếng. Cần có một cuộc vận động chống việc lạm dụng tiếng nước ngoài [...].”

(Dẫn theo Tạp chí Ngôn ngữ, số 3 – 1970)

“Chúng ta không chống mượn tiếng nước ngoài để làm cho tiếng ta đầy đủ thêm. Nhưng chúng ta phải chống cách mượn không phải lối, mượn đến nỗi bỏ cả tiếng ta, đến nỗi quần chúng không hiểu.”

(X.Y.Z., *Sửa đổi lối làm việc*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1959)

2) CHỮ TA

Vừa ở Xơ-un (CH Triều Tiên⁽¹⁾) về nước, đi công tác ở một số thành phố thấy cần phải viết ngay một điều.

Ai cũng biết CH Triều Tiên phát triển kinh tế khá nhanh, vào loại “con rồng nhỏ”, có quan hệ khá chặt chẽ với các nước phương Tây. Một nền kinh tế thị trường nhộn nhịp, có quan hệ quốc tế rộng rãi. Khắp nơi đều có quảng cáo nhưng không bao giờ quảng cáo thương mại được đặt ở những công sở, hội trường lớn, danh lam thắng cảnh. Chữ nước ngoài, chủ yếu là tiếng Anh, nếu có thì viết nhỏ đặt dưới chữ Triều Tiên to hơn ở phía trên. Đi đâu, nhìn đâu cũng thấy nổi bật những bảng hiệu chữ Triều Tiên. Trong khi đó thì ở một vài thành phố của ta nhìn vào đâu cũng thấy tiếng Anh, có bảng hiệu của các cơ sở của ta hẳn hoi mà chữ nước ngoài lại lớn hơn cả chữ Việt, có lúc ngỡ ngàng tưởng như mình lạc sang một nước khác.

Rồi báo chí ở CH Triều Tiên khá nhiều. Tôi không biết chữ Triều Tiên nhưng cũng xem qua khá nhiều tờ báo. Có một số tờ báo, tạp chí, số báo xuất bản bằng tiếng nước ngoài, in rất đẹp. Nhưng các tờ báo phát hành ở trong nước đều không có mấy trang cuối viết bằng tiếng nước ngoài, trừ một số tạp chí khoa học, ngoại thương có in ở trang cuối mục lục bằng tiếng nước ngoài để người đọc nước ngoài nhờ dịch những bài cần đọc. Trong khi đó ở ta, khá nhiều báo, kể cả một số tờ báo của các ngành của nhà nước ta có cái “mốt” là tóm tắt một số bài chính bằng tiếng nước ngoài ở trang cuối, xem ra để cho “oai” trong khi đó người đọc trong nước lại bị thiệt mất mấy trang thông tin.

Phải chăng, đó cũng là thái độ tự trọng của một quốc gia khi mở cửa với bên ngoài, mà ta nên suy ngẫm.

(Theo Hữu Thọ, *Bình luận báo chí thời kì đổi mới*, NXB Giáo dục, 2000)

Chú thích : (1) CH Triều Tiên : nước Hàn Quốc ngày nay.

Bài 3. SƠN TINH, THỦY TINH

Mục tiêu

- ◆ Kể lại câu chuyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* ; phân tích hai nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh và cuộc chiến giữa hai nhân vật đó ; chỉ ra tác dụng của yếu tố kì ảo và đặc trưng truyền thuyết của truyện ; rút ra ý nghĩa của truyện ; liên hệ thực tiễn.
- ◆ Xác định *sự việc* và *nhân vật* trong văn tự sự ; nhận diện *nhân vật chính*, *nhân vật phụ* ; viết bài văn kể chuyện có *sự việc* và *nhân vật*.
- ◆ Trình bày khái niệm sơ giản về *ý nghĩa của từ*, một số cách giải thích nghĩa của từ ; vận dụng giải nghĩa một số từ.



Hoạt động khởi động



Quan sát các bức ảnh sau và trả lời câu hỏi :



(Nguồn : In-tơ-nét)

a) Các bức ảnh trên thể hiện nội dung gì ?

b) Nói ngắn gọn về hậu quả của hiện tượng bão lụt mà em đã chứng kiến hoặc được biết qua sách báo, phim, ảnh.

c) Ở Tiểu học, các em đã được học một truyện có nội dung giải thích các hiện tượng lũ lụt xảy ra hằng năm. Hãy nhớ lại truyện đó và cho biết : Tên truyện đó là gì ? Tên của các nhân vật trong truyện ?



Hoạt động hình thành kiến thức



1. Đọc văn bản sau :

SƠN TINH, THỦY TINH⁽¹⁾

(Truyện thuyết)

Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua cha yêu thương nàng hết mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.

Một hôm có hai chàng trai đến cầu hôn⁽²⁾. Một người ở vùng núi Tản Viên⁽³⁾ có tài lạ : vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi ; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém : gọi gió, gió đến ; hô mưa, mưa về. Người ta gọi chàng là Thủy Tinh. Một người là chúa vùng non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng. Vua Hùng băn khoăn không biết nhận lời ai, từ chối ai, bèn cho mời các Lạc hầu⁽⁴⁾ vào bàn bạc. Xong, vua phán⁽⁵⁾ :

– Hai chàng đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào ? Thôi thì ngày mai, ai đem sính lễ⁽⁶⁾ đến trước, ta sẽ cho cưới con gái ta.

Hai chàng tâu⁽⁷⁾ hỏi đồ sính lễ cần sắm những gì, vua bảo : “Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng và voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao⁽⁸⁾, mỗi thứ một đôi”.

Hôm sau, mới tờ mờ sáng, Sơn Tinh đã đem đầy đủ lễ vật đến rước Mị Nương về núi.

Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, dùng dục nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió làm thành dông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lên trên một biển nước.



Sơn Tinh không hề nao núng⁽⁹⁾. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân.

Từ đó, oán nặng, thù sâu, hằng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, Thần Nước đánh mỗi một, chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương, đành rút quân về.

(Theo Huỳnh Lý)

◆ Chú thích

(1) *Sơn Tinh* : Thần Núi (*sơn* : núi) ; *Thủy Tinh* : Thần Nước (*thủy* : nước).

(2) *Cầu hôn* : xin được lấy làm vợ (*cầu* : tìm, kiếm, xin ; *hôn* : lấy vợ, lấy chồng).

(3) *Tản Viên* : núi cao ở huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội), còn gọi là núi Ba Vì. Núi có ba đỉnh : đỉnh cao nhất 1281 mét, ngọn giữa có hình thắt cổ bồng, trên toả ra như cái tán nên gọi là Tản Viên.

(4) *Lạc hầu* : chức danh chỉ các vị quan cao nhất giúp vua Hùng trông coi việc nước.

(5) *Phán* : truyền bảo (từ được dùng khi người truyền bảo là vua chúa, thần linh, hay bề trên nói chung).

(6) *Sính lễ* : lễ vật nhà trai đem đến nhà gái để xin cưới.

(7) *Tâu* : thưa trình (từ dùng khi quan, dân nói với vua chúa, thần linh).

(8) *Hồng mao* : ở đây chỉ bờm ngựa màu hồng.

(9) *Nao núng* : lung lay, không vững lòng tin ở mình nữa.

2. Tìm hiểu văn bản.



a) Dựa vào nội dung truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, hãy nối các đoạn ghi ở cột bên phải với ý chính của nó ở cột bên trái. Trình bày miệng về bố cục của truyện. (Truyện gồm mấy đoạn ? Ý chính của mỗi đoạn ?)

(1) Giới thiệu vua Hùng và việc kén chồng cho công chúa Mị Nương.

(2) Cuộc kén rể và chiến thắng thuộc về Sơn Tinh.

(3) Cuộc giao tranh dữ dội và quyết liệt của hai thần, cuối cùng Thủy Tinh phải rút quân về.

(4) Chuyện lũ lụt thiên tai hằng năm về sau.

(a) Từ “Từ đó” đến “đành rút quân về”.

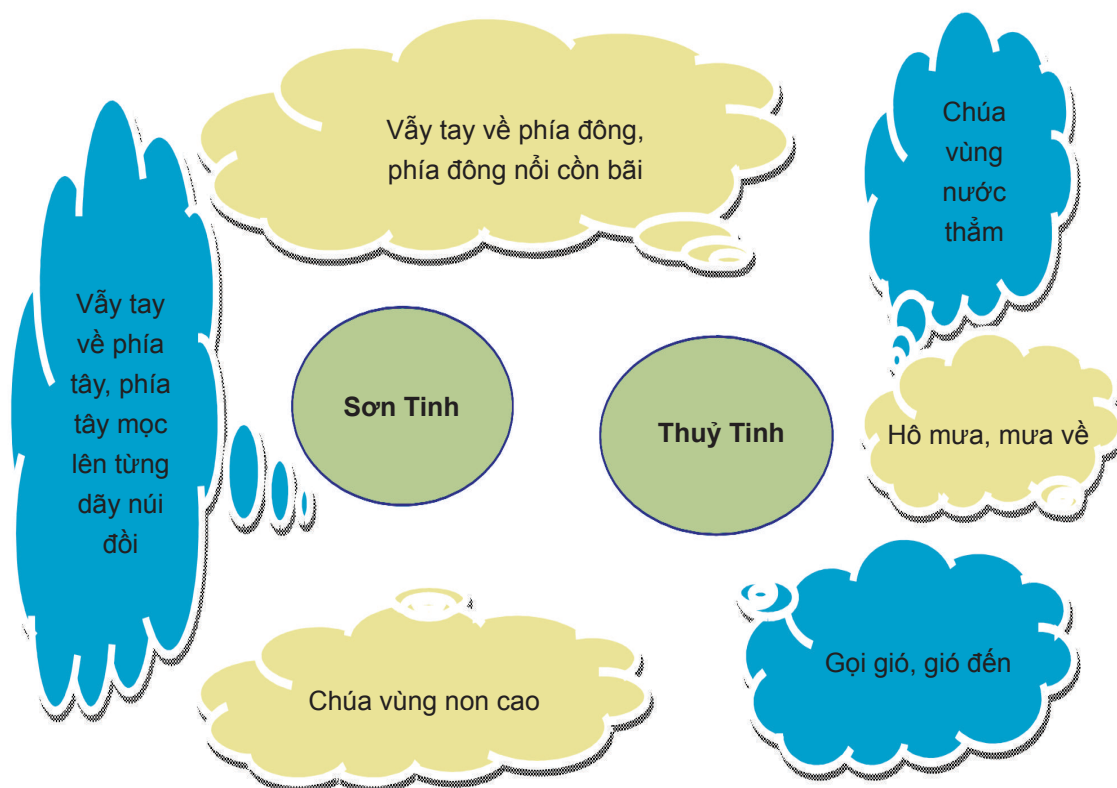
(b) Từ “Hùng Vương thứ mười tám” đến “thật xứng đáng”.

(c) Từ “Một hôm có hai chàng trai” đến “rước Mị Nương về núi”.

(d) Từ “Thủy Tinh đến sau” đến “đành rút quân”.

b) Truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh* gắn với thời đại nào trong lịch sử dân tộc ta ?

c) Nối tên các nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh (hình tròn) với các từ ngữ nói về các nhân vật này (hình đám mây) theo sơ đồ.



d) Viết vào *Phiếu học tập* :

1. Sơn Tinh và Thủy Tinh : Ai tài hơn ai ?
2. Miêu tả ngắn gọn cuộc chiến giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh.
3. Trong truyện có những yếu tố kì ảo nào ? Tác dụng của các yếu tố kì ảo đó ?



e) Theo em, nhân dân lao động (tác giả dân gian) đã thể hiện thái độ ủng hộ đối với nhân vật Sơn Tinh hay Thủy Tinh ? Tại sao ?

g) Dưới đây là một số ý kiến nói về ý nghĩa của truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*. Em không đồng ý với ý kiến nào ? Tại sao ?

Bạn A : Truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* nhằm giải thích những hiện tượng ghen tuông thường xảy ra trong cuộc sống.

Bạn B : Truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* nhằm giải thích nạn lũ lụt thường xảy ra hằng năm.

Bạn C : Truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* nhằm thể hiện sức mạnh, ước mong của người Việt cổ muốn chế ngự lũ lụt, thiên tai.



3. Tìm hiểu **sự việc, nhân vật** trong văn tự sự.

a) Trong truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* có các **sự việc** sau :

- (1) Vua Hùng kén rể.
- (2) Sơn Tinh và Thuỷ Tinh đến cầu hôn.
- (3) Vua Hùng phán đồ sính lễ.
- (4) Sơn Tinh đến trước, rước được Mị Nương về núi.
- (5) Thuỷ Tinh đến sau, không lấy được Mị Nương nên tức giận đánh Sơn Tinh.
- (6) Hai bên giao chiến dữ dội, kéo dài hàng tháng trời.
- (7) Cuối cùng Thuỷ Tinh thua, đành rút quân về.

Hãy xác định **sự việc khởi đầu**, **sự việc phát triển**, **sự việc cao trào** và **sự việc kết thúc** trong câu chuyện bằng cách ghi số thứ tự đứng trước những **sự việc** trên vào ô trống ở cột bên phải (theo mẫu).

Sự việc khởi đầu	M : (1)
Sự việc phát triển	
Sự việc cao trào	
Sự việc kết thúc	

b) **Sự việc** trong văn tự sự cần có 6 yếu tố : 1) *Chủ thể* (Ai làm việc này ?) ; 2) *Thời gian* (Bao giờ ?) ; 3) *Địa điểm* (Ở đâu ?) ; 4) *Nguyên nhân* ; 5) *Diễn biến* ; 6) *Kết quả*. Hãy tìm 6 yếu tố đó trong một sự việc của truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* (Chẳng hạn, sự việc số (5) : Thuỷ Tinh đến sau, không lấy được Mị Nương nên tức giận đánh Sơn Tinh).

c) Trong truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* có các nhân vật : vua Hùng, công chúa Mị Nương, Sơn Tinh, Thuỷ Tinh,... Hãy cho biết : *Nhân vật chính* là ai ? *Nhân vật phụ* là ai ? Theo em, *nhân vật chính* khác với *nhân vật phụ* như thế nào ?



4. Tìm hiểu *nghĩa của từ*.

a) Dựa vào phần *Chú thích* trong bài đọc *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh*, điền vào cột *nội dung* tương ứng với *hình thức* của các từ theo bảng :

Hình thức	Nội dung
<i>Cầu hôn</i>	M : Xin được lấy làm vợ
<i>Phán</i>	
<i>Sính lễ</i>	
<i>Nao núng</i>	
<i>Tâu</i>	

b) Đánh dấu X vào ô vuông để trả lời câu hỏi : Thế nào là *nghĩa của từ* ?

- ☐ Nghĩa của từ là phần hình thức của từ.
- ☐ Nghĩa của từ là phần nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ,...) mà từ biểu thị.

c) Dựa vào bảng vừa hoàn thành ở mục a, đánh dấu X vào ô phù hợp để cho biết việc giải nghĩa các từ dưới đây được tiến hành theo cách nào. (theo mẫu)

Từ	Trình bày khái niệm mà từ biểu thị	Đưa ra những từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích
<i>Cầu hôn</i>	M : X	
<i>Phán</i>		
<i>Sính lễ</i>		
<i>Nao núng</i>		
<i>Tâu</i>		



Hoạt động luyện tập



1. Thi kể diễn cảm truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* tại lớp.

Mỗi nhóm chọn 1 – 2 bạn để dự thi.

Yêu cầu : Người kể nhớ được các đoạn, các tình tiết của truyện ; ngôn ngữ kể chuyện phải lưu loát, phù hợp với thể loại truyền thuyết ; phân biệt giọng người kể với giọng nhân vật.



2. Em làm từ điển.

Nhiệm vụ : Vận dụng một trong hai cách giải nghĩa từ vừa học (trình bày khái niệm hoặc dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa) để giải thích ý nghĩa các từ dưới đây, sau đó sắp xếp lại theo thứ tự ABC.

– *Tài năng* :

– *Nổi giận* :

– *Xứng đáng* :

– *Băn khoăn* :



3. Cho chủ đề sau : “*Vua Hùng kén rể*”.

Em hãy phác thảo những ý chính cho bài văn kể chuyện theo chủ đề trên, sau đó cho biết : Trong câu chuyện có những *sự việc* gì ? *Nhân vật chính* là ai ? *Nhân vật phụ* là ai ?



Hoạt động vận dụng



1. Hỏi người thân để trả lời : Bão lụt và các hiện tượng thiên tai khác (như lốc xoáy, mưa đá, động đất,...) đã gây thiệt hại về kinh tế, gây nguy hiểm đối với tính mạng của con người như thế nào ? Nếu gặp bão lụt hoặc các thiên tai khác, em phải làm gì để đảm bảo an toàn cho mình và giúp đỡ người khác ?



2. Dựa vào đặc trưng cơ bản của truyền thuyết (bài 1), hãy giải thích vì sao truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* được gọi là truyền thuyết.
3. Hoàn thành bài viết kể chuyện theo chủ đề : “*Vua Hùng kén rể*”.



Hoạt động tìm tòi, mở rộng



1. Tìm đọc trên thư viện hoặc in-tơ-nét ba câu chuyện về thần núi, thần sông, thần biển. Ghi lại vắn tắt nội dung của ba câu chuyện đó.
2. Tìm đọc bài thơ *Sơn Tinh, Thủy Tinh* của Nguyễn Nhược Pháp để thấy cách cảm nhận độc đáo của nhà thơ về truyền thuyết này.
3. Đọc thêm :

SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

(Truyền thuyết)

Vào thời giặc Minh⁽¹⁾ đặt ách đô hộ⁽²⁾ ở nước Nam, chúng coi dân ta như cỏ rác, làm nhiều điều bạo ngược, thiên hạ căm giận chúng đến xương tủy. Bấy giờ ở vùng Lam Sơn⁽³⁾, nghĩa quân nổi dậy chống lại chúng, nhưng trong buổi đầu thế lực còn non yếu nên nhiều lần nghĩa quân bị thua. Thấy vậy, đức Long Quân⁽⁴⁾ quyết định cho nghĩa quân mượn thanh gươm thần để họ giết giặc.

Hồi ấy, ở Thanh Hoá có một người làm nghề đánh cá tên là Lê Thận. Một đêm nọ, Thận thả lưới ở một bến vắng như thường lệ. Khi kéo lưới lên, thấy nặng nằng, Lê Thận chắc mẩm được mẻ cá to. Nhưng khi thò tay vào bắt cá, chàng chỉ thấy có một thanh sắt. Chàng vớt luôn thanh sắt xuống nước, rồi lại thả lưới ở một chỗ khác.

Lần thứ hai cất lưới lên cũng thấy nặng tay, Thận không ngờ thanh sắt vừa rồi lại chui vào lưới mình. Chàng lại ném xuống sông. Lần thứ ba, vẫn thanh sắt ấy mắc vào lưới. Lấy làm lạ, Thận đưa thanh sắt lại cạnh lò lửa nhìn xem. Bỗng chàng reo lên :

– Ha ha ! Một lưỡi gương !

Về sau Thận gia nhập đoàn quân khởi nghĩa Lam Sơn. Chàng hăng hái, gan dạ, không nề nguy hiểm. Một hôm chủ tướng Lê Lợi cùng mấy người tùy tùng⁽⁵⁾ đến nhà Thận. Trong túp lều tối om, thanh sắt hôm đó tự nhiên sáng rực lên ở xó nhà. Lấy làm lạ, Lê Lợi cầm lên xem và thấy có hai chữ “Thuận Thiên”⁽⁶⁾ khắc sâu vào lưỡi gương. Song tất cả mọi người vẫn không biết đó là báu vật.

Một hôm, bị giặc đuổi, Lê Lợi và các tướng rút lui mỗi người một ngã. Lúc đi qua một khu rừng, Lê Lợi bỗng thấy có ánh sáng lạ trên ngọn cây đa. Ông trèo lên mới biết đó là một cái chuôi gương nạm ngọc⁽⁷⁾. Nhớ đến lưỡi gương ở nhà Lê Thận, Lê Lợi rút lấy chuôi giắt vào lưng.

Ba ngày sau, Lê Lợi gặp lại mọi người, trong đó có Lê Thận. Lê Lợi mới đem chuyện bắt được chuôi gương kể lại cho họ nghe. Khi đem tra gương vào chuôi thì vừa như in.

Lê Thận nâng gương lên ngang đầu nói với Lê Lợi :

– Đây là Trời có ý phó thác⁽⁸⁾ cho mình công⁽⁹⁾ làm việc lớn. Chúng tôi nguyện đem xương thịt của mình theo mình công, cùng với thanh gương thần này để báo đền Tổ quốc !

Từ đó nhuệ khí⁽¹⁰⁾ của nghĩa quân ngày một tăng. Trong tay Lê Lợi, thanh gương thần tung hoành⁽¹¹⁾ khắp các trận địa, làm cho quân Minh bạt vía. Uy thế của nghĩa quân vang khắp nơi. Họ không phải trốn tránh như trước mà xông xáo đi tìm giặc. Họ không phải ăn uống khổ cực như trước nữa, đã có những kho lương mới chiếm được của giặc tiếp tế cho họ. Gương thần mở đường cho họ đánh tràn ra mãi, cho đến lúc không còn bóng một tên giặc nào trên đất nước.



Một năm sau khi đuổi giặc Minh, một hôm Lê Lợi – bấy giờ đã làm vua – cưỡi thuyền rồng dạo quanh hồ Tả Vọng. Nhân dịp đó, Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi thuyền rồng tiến ra giữa hồ, tự nhiên có một con rùa lớn nhô đầu và mai lên khỏi mặt nước. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Đứng ở mạn thuyền, vua thấy lưỡi gươm thần đeo bên người tự nhiên động đậy. Con Rùa Vàng không sợ người, nhô đầu lên cao nữa và tiến về phía thuyền vua. Nó đứng nổi trên mặt nước và nói : “Xin bệ hạ hoàn gươm lại cho Long Quân !”.

Vua nâng gươm hướng về phía Rùa Vàng. Nhanh như cắt, rùa há miệng đớp lấy thanh gươm và lặn xuống nước. Gươm và rùa đã chìm đáy nước, người ta vẫn còn thấy vật gì sáng le lói dưới mặt hồ xanh.

Từ đó, hồ Tả Vọng bắt đầu mang tên là Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm⁽¹²⁾.

(Theo Nguyễn Đồng Chi)

◆ Chú thích

(1) *Giặc Minh* : giặc phương Bắc triều đại nhà Minh (Trung Quốc), xâm lược nước ta từ năm 1407 đến năm 1427.

(2) *Đô hộ* : đặt ách thống trị lên một nước khác.

(3) *Lam Sơn* : nơi Lê Lợi khởi nghĩa, thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

(4) *Đức Long Quân* : Lạc Long Quân (*đức* : tiếng tôn xưng các bậc vua chúa, thần thánh,...).

(5) *Tuỳ tòng* : đi theo để giúp việc (*tuỳ* : theo, *tòng* : theo, phụ thuộc).

(6) *Thuận Thiên* : thuận theo ý Trời, đây là tên thanh gươm (sau chiến thắng quân Minh, Lê Lợi lấy hiệu là “Thuận Thiên”).

(7) *Nạm ngọc* : gắn ngọc vào (*nạm* : gắn, dát, đặt kim loại hoặc đá quý vào một đồ vật để trang trí).

(8) *Phó thác* : tin cẩn mà giao cho.

(9) *Minh công* : từ ngày xưa thường dùng để tôn xưng người có danh vị, sáng suốt (ở đây chỉ Lê Lợi).

(10) *Nhuệ khí* : khí thể hăng hái, quả quyết.

(11) *Tung hoành* : thoả chí hoạt động, không gì cản trở được (*tung* : dọc ; *hoành* : ngang).

(12) *Hoàn Kiếm* : trả lại gươm (*hoàn* : trả ; *kiếm* : gươm).